

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 12 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978 (Có mặt);

Bị đơn: Ông Lưu Văn K, sinh năm 1971 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lưu Văn K chung sống với nhau vào năm 1995, không đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Do không còn tình cảm với ông K nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên Lưu Thị Phương Khánh, sinh ngày 10/9/1996; Lưu Văn Nam, sinh ngày 01/01/2001; Lưu Thị Khánh, sinh ngày 18/4/2012.

Đối với cháu Lưu Thị Phương Khánh, cháu Lưu Văn Nam: Do cháu Phương Khánh và cháu Nam đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lưu Thị Khánh: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; vợ chồng tự thực hiện việc cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lưu Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Y về thời gian chung sống và việc không đăng ký kết hôn. Ông xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là không lớn, ông còn tình cảm với bà Y nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Y về con chung. Đối với cháu Lưu Thị Khánh, ông đồng ý giao cháu Khánh cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng; vợ chồng tự thực hiện việc cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Lưu Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông K.

[2] Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên Lưu Thị Phương Khánh, sinh ngày 10/9/1996; Lưu Văn Nam, sinh ngày 01/01/2001; Lưu Thị Khánh, sinh ngày 18/4/2012.

Đối với cháu Lưu Thị Phương Khánh, cháu Lưu Văn Nam: Do cháu Phương Khánh và cháu Nam đã thành niên, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Lưu Thị Khánh: Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà Y xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh, cháu Khánh có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Y, ông K đồng ý để bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Khánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao cháu Khánh cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi cháu Khánh: Bà Y và ông K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Y và ông K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Bà Y và ông K xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Lưu Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Khánh, sinh ngày 18/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lưu Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh mà không ai được cản trở. Ông K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Khánh được sống chung với bà Y.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 07/11/2023 bà Y đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, bị đơn ông Lưu Văn K có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà